

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Khánh
2. Ông Trần Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXX-ST ngày 07/5/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐ-ST ngày 26/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đồng Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

1. Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Lương Văn T tại Việt Nam: Thôn A, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai ngày 26/02/2021 nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Chị và anh Lương Văn T có được tự do tìm trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2000 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh T sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị và anh T thời gian đó làm ăn thua lỗ nhiều dẫn đến bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, mâu thuẫn gay gắt xảy ra chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2005, sau đó chị cùng con bỏ đi khỏi nhà về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống từ đó đến nay và vợ chồng chị không ai liên lạc gì với nhau kể từ đó đến nay. Chị cũng được biết năm 2005 anh T đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là cháu Lương Ngọc C, sinh ngày 29/11/2001. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T còn trình bày: Chị đã lâu không liên lạc được với anh T nên chị không biết được địa chỉ của anh T ở đâu, nên không cung cấp cho Tòa án được. Chị chỉ cung cấp địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam là tại thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Chị đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh T qua bố mẹ anh T là ông Lương Hồng K, sinh năm 1950 và bà Thân Thị Q, sinh năm 1948 có địa chỉ tại thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin và địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lương Văn T.

Bị đơn anh Lương Văn T hiện đang lao động tại nước ngoài không có bản tự khai.

Ngày 02/4/2021 và ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có biên bản làm việc với ông Lương Hồng K là bố đẻ của anh Lương Văn T để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông K thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Lương Thị T và anh Lương Văn T; yêu cầu anh T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông K cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tuy nhiên qua hai lần làm việc ông K vẫn giữ nguyên quan điểm là anh T ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình, nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của

anh T ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh T đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết để anh T gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh T gửi về.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lương Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lương Văn T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T; Biên bản làm việc với ông K là bố đẻ của anh Lương Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật: của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Lương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Lương Văn T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Lương Văn T. Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt anh Lương Văn T là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56 và khoản 2 điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBT BVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T. Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Lương Văn T.

Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Lương Thị T.

Đối với bị đơn anh Lương Văn T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh T là ông Lương Hồng K để giao

thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông K thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Lương Thị T và anh Lương Văn T, yêu cầu ông K cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Ông Lương Hồng K trình bày: Anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông K vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Lương Văn T.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lương Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Lương Văn T, anh T hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 5411/QLXNC - P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 12/3/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh T xuất cảnh ngày 26/12/2006 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam là: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn T kết hôn ngày 04/3/2000 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn chị về gia đình anh T sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị và anh T thời gian đó làm ăn thua lỗ nhiều dẫn đến bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, mâu thuẫn gay gắt xảy ra chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2005, sau đó chị cùng con bỏ đi khỏi nhà về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống và vợ chồng chị không ai liên lạc gì với nhau kể từ đó đến nay. Chị cũng được biết năm 2005 anh T đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh T chung sống với nhau hạnh phúc, trong quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn kinh tế bị thua lỗ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2005 và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Tháng 12 năm 2006 anh T cũng đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài vợ chồng cũng cắt đứt liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và

anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Toan. Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Lương Văn T.

[4]. Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Lương Ngọc C, sinh ngày 29/11/2001. Hiện nay cháu C đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí:Chị Lương Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn anh Lương Văn T.

2.Về án phí:Chị Lương Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000917 ngày 29/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Lương Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lương Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Lương Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện Y;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

